

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST.

Ngày: 17-3-2025.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Hùng.

2. Bà Mai Thị Bì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Trụ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Văn K, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số I, Ấp E, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Là Chủ hộ kinh doanh Thanh Tuyền 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số: 50K8002764, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2009.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số C, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2024). Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Thành S, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số F, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Vắng mặt không lý do.

2.2. Bà Trần Lê Hồng G, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số F, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2024 của nguyên đơn ông Lương Văn K và những lời khai trình tại tòa, bà Huỳnh Thị Kim N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Lê Thành S là khách hàng mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản ở cửa hàng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Lương Văn K nhiều năm. Hai bên thỏa thuận khi kết thúc từng đợt nuôi tôm thì ông S phải thanh toán hoàn tất tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bên bán, nhưng qua một thời gian mua bán thì ông Lương Văn K và ông Lê Thành S đã tính toán chốt sổ ngày 29/8/2023 ông S còn thiếu nợ mua bán của ông K số tiền 341.648.000 đồng. Ông S có ký nhận nợ. Từ khi chốt sổ xong ông S hứa hẹn thanh toán nợ cho ông K nhưng vẫn không thanh toán.

Ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G là vợ chồng cùng mua thức ăn nuôi tôm của ông K. Ông K đã nhiều lần yêu cầu ông S, bà G trả cho ông K số tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản nhưng ông S, bà G cứ hẹn lần hẹn lượt không chịu trả.

Nay ông Lương Văn K yêu cầu ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G phải liên đới trả số tiền nợ gốc mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 341.648.000 đồng, đồng thời phải trả lãi do chậm trả (tính từ ngày 30/8/2023 đến ngày 30/8/2024 là 12 tháng x 0,83%/ tháng) là 34.028.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 375.676.000 đồng.

- Ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Lương Văn K với ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G có phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán; việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ thụ lý, giải quyết theo quy định.

Ông Lê Thành S là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do, bà Trần Lê Hồng G có đơn xin vắng mặt. Do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy qua lời khai trình của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các chứng cứ nguyên đơn xuất trình có căn cứ xác định ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản, còn thiếu nợ vốn mua bán của ông Lương Văn K số tiền vốn gốc 341.648.000 đồng, Ông K yêu cầu ông S và bà G phải liên đới trả số nợ vốn mua bán đồng thời phải trả lãi do chậm trả (tính từ ngày 30/8/2023 đến ngày 30/8/2024 là 12 tháng x 0,83%/ tháng) là

34.028.140 đồng, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu phía các bị đơn trả số tiền lãi là 34.028.000 đồng nên ghi nhận, tổng cộng vốn và lãi là 375.676.000 đồng. Ông S nhiều lần được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định giải quyết vụ án của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do, bà G có đơn xin vắng mặt, đã thể hiện ý chí không hợp tác để giải quyết vụ án của đương sự và tự tước đi quyền chứng minh của các đương sự. Xét yêu cầu thanh toán nợ mua bán của ông Lương Văn K đối với ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được chấp nhận. Cần buộc ông S, bà G phải liên đới thanh toán cho ông K số nợ vốn mua bán và tiền lãi chậm trả là số tiền 375.676.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q (375.676.000 đồng x 5% = 18.783.800 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 288, 357, 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán của ông Lương Văn K đối với ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G.

Buộc ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ gốc mua bán và tiền lãi do chậm trả cho ông Lương Văn K số tiền là 375.676.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). (Trong đó nợ gốc: 341.648.000 đồng, tiền lãi chậm trả: 34.028.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Thành S và bà Trần Lê Hồng G phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 18.783.800 đồng. Ông Lương Văn K không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp là 9.391.900 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009776 ngày 29/10/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Trụ;

-THA DS huyện Tân Trụ;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thái

